TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆNV
TỈNH N
Bản án số: 19/2018/ HNGĐ - ST
Ngày 18/10/2018
(*V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH N
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà : Ông **Hà Thiện Thành**
- Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Đình Phong;** Bà **Lã Thị Thanh Tuyền**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Trần Thị Hồng** – Thư ký Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện V tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2018/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 08 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 15/2018/QĐST-HNGĐ ngày 21/9/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: thôn G, xã G, huyện V, tỉnh N;

Có mặt tại phiên toà.

Bị đơn: Anh **Trần Văn H**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: thôn G, xã G, huyện V, tỉnh N;

Vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 23 tháng 4 năm 2018, và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Toà, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị C trình bày: giữa chị Nguyễn Thị C và bị đơn là anh Trần Văn H, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 4 năm 2011, tại Uỷ ban nhân dân xã G, huyện V. Sau khi kết hôn hai người chung sống cùng nhau tại thôn G, xã G, huyện V. Chị C và anh H chung sống hoà thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn thì tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn có nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu do tính tình không hợp,

anh H thường xuyên tụ tập bạn bè chơi bời, không quan tâm đến vợ con; chị Cúc và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh H không nghe, dẫn đến vợ chồng cãi chửi, đánh nhau, không quan hệ với nhau, hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2017 cho tới nay. Chị C thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị C đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn H.

Về con chung; Chị Nguyễn Thị C trình bày: Vợ chồng chị có 01 con chung cháu tên là Trần Như Q, sinh ngày 01/02/2015. Hiện tại chị Nguyễn Thị C là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Nếu được Toà án chấp nhận cho ly hôn, chị C đề nghị chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Như Q, Anh H có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị mỗi tháng là 1.000.000 đồng.

Về quan hệ tài sản và công nợ chung; chị Nguyễn Thị C không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Anh Trần Văn H đã được Tòa án giao thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng cố tình vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Trần Văn H (là bị đơn trong vụ án) đã được Toà án nhân dân huyện V triệu tập hợp lệ đến phiên Toà xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án:

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị C và anh Trần Văn H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện V, tỉnh N vào ngày 15/4/2011. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ, sau khi kết hôn hai người sống hoà thuận hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp, anh H thường xuyên tụ tập bạn bè chơi bời, không quan tâm đến vợ con, khi được chị C và gia đình khuyên bảo nhưng anh H không nghe, dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau. Theo thời gian, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, nặng nề, thực tế vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 9 năm 2017 đến nay, cũng từ đó hai người không hề quan tâm đến nhau, quan hệ vợ chồng chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Toà án nhân dân huyện V đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập

hợp lệ nhiều lần, nhưng anh Trần Văn H cố tình vắng mặt không có lý do. Điều đó thể hiện sự coi thường pháp luật, không còn thiện chí để tìm cách đoàn tụ vợ chồng, chứng tỏ quan hệ vợ chồng giữa chị C và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị C.

[3] Về quan hệ con chung:

Chị Nguyễn Thị C và anh Trần Văn H có một con chung là cháu Trần Như Q, sinh ngày 01/02/2015. Chị C có nguyện vọng được nuôi con chung. Tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy, anh H là người lao động tự do nên thường phải đi làm xa nhà, không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con hằng ngày, còn chị C là công nhân của Công ty TNHH YGVINA tại khu Công nghiệp K, huyện V công việc ổn định. Cháu Q mới hơn 3 tuổi, cần phải có sự trông nom, chăm sóc của cha mẹ; hơn nữa hiện tại chị C đang là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con hàng ngày, trong thời gian trước đây và hiện nay cháu Trần Như Q do chị C nuôi dưỡng và bảo đảm tốt về mọi mặt. Vì vậy, cần giao cháu Trần Như Q cho chị C là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho tới khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh Trần Văn H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Trần Như Q mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Kể từ tháng 10/2018 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Anh H có quyền đi lại thăm nom con.

[4] Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung: Chị Nguyễn Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản chung, công nợ chung. Vì vậy, vấn đề tài sản chung và công nợ chung, Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn; anh Trần Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 107, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật Dân sự; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

<u>Xử</u>: 1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị C và anh Trần Văn H được ly hôn;

2. Về con chung. Giao cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Như Q, sinh ngày 01/02/2015, cho tới khi cháu Trần Như Q đủ 18 tuổi. Anh Trần Văn H phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị C 1.000.000 đồng/1 tháng. Kể từ tháng 10 năm 2018 cho đến khi cháu Trần Như Q đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong tr□ờng hợp bên có nghĩa vụ trậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Được khấu trừ 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo biên lai số AA/2013/0001038 ngày 03/5/2018.

Anh Trần Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự".

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

NƠI NHẬN

- Tòa án ND tỉnh N;
- Các đương sự;
- Chi cục T.H.A DS huyện V;
- VKSND huyện V;
- UBND xã G;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T/M HỘI ĐONG XET XU SƠ THAM

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Hà Thiện Thành